

Số: /QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt tạm thời vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức
của Ủy ban nhân dân huyện Thuận Bắc**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức;

Căn cứ Thông tư số 11/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Nội vụ;

Căn cứ Thông tư số 42/2022/TT-BGTVT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành giao thông vận tải trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực giao thông vận tải;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BKHĐT ngày 20/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê;

Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BCT ngày 23/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Công thương hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành công thương trong các cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực công thương;

Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BVHTTDL ngày 15/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch trong cơ quan, tổ chức hành chính thuộc ngành, lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BTP ngày 20/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-BNG ngày 30/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành đối ngoại trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực đối ngoại;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thuận Bắc tại Công văn số 2531/UBND-NV ngày 26/6/2023 và ý kiến trình của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 3043/TTr-SNV ngày 18/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tạm thời vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Ủy ban nhân dân huyện Thuận Bắc (*trên cơ sở Đề án kèm theo Công văn số 2531/UBND-NV ngày 26/6/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thuận Bắc*), với các nội dung như sau:

1. Phê duyệt Danh mục vị trí việc làm của Ủy ban nhân dân huyện Thuận Bắc, gồm 103 vị trí việc làm, cụ thể: 06 vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý; 06 vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; 87 vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành và 04 vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ (*theo Phụ lục 01 đính kèm*).

2. Bản Mô tả công việc của từng vị trí việc làm: Thống nhất với Bản Mô tả công việc của từng vị trí việc làm kèm theo Đề án gửi kèm theo Công văn số 2531/UBND-NV ngày 26/6/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thuận Bắc.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thuận Bắc có trách nhiệm phê duyệt Bản Mô tả công việc của từng vị trí việc làm theo thẩm quyền ngay sau khi Quyết định này có hiệu lực thi hành.

3. Phê duyệt Khung năng lực vị trí việc làm đối với 103 vị trí việc làm của Ủy ban nhân dân huyện Thuận Bắc, cụ thể:

a) Khung năng lực đối với 06 vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý; 06 vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; 04 vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ (*theo Phụ lục 02 đính kèm*);

b) Khung năng lực đối với 87 vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành (*theo Phụ lục 03 đính kèm*).

4. Phê duyệt Cơ cấu ngạch công chức của Ủy ban nhân dân huyện Thuận Bắc (*không bao gồm công chức đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo, quản lý*): 100% ngạch Chuyên viên hoặc tương đương (*Chi tiết theo Phụ lục 04 đính kèm*).

Điều 2. Áp dụng Danh mục vị trí việc làm, Bản mô tả công việc, Khung năng lực vị trí việc làm và Cơ cấu ngạch công chức

1. Danh mục vị trí việc làm, Bản mô tả công việc, Khung năng lực vị trí việc làm và Cơ cấu ngạch công chức của từng vị trí việc làm được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này là cơ sở khoa học để Thủ trưởng đơn vị sắp xếp tổ chức bộ máy, biên chế, tuyển dụng, sử dụng, quản lý, đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bổ nhiệm, phân công nhiệm vụ và thực hiện các chế độ chính sách đối với đội ngũ công chức của đơn vị theo biên chế được cấp có thẩm quyền phê duyệt hàng năm và theo quy định của pháp luật hiện hành.

Đối với công chức hiện đang giữ ngạch công chức cao hơn so với ngạch công chức theo yêu cầu của vị trí việc làm được phê duyệt tại Quyết định này, được bảo lưu đến khi có quy định, hướng dẫn thực hiện của cấp có thẩm quyền.

2. Trong quá trình triển khai, thực hiện, trường hợp có phát sinh, vướng mắc hoặc có quy định, hướng dẫn mới của Trung ương về vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức hoặc có quy định điều chỉnh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức theo quyết định của cấp có thẩm quyền; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thuận Bắc kịp thời phối hợp Giám đốc Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết hoặc quyết định điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 2306/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của Ủy ban nhân dân huyện Thuận Bắc, Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 16/02/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tạm thời cơ cấu ngạch công chức của Ủy ban nhân dân huyện Thuận Bắc.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thuận Bắc; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT, VXNV. ĐNĐ

CHỦ TỊCH

Trần Quốc Nam

PHỤ LỤC 1

Danh mục vị trí việc làm tại UBND huyện Thuận Bắc

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND

ngày tháng 9 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức
I	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	
1	Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện	Chuyên viên trở lên
2	Chánh Thanh tra huyện	Chuyên viên/ Thanh tra viên trở lên
3	Trưởng phòng	Chuyên viên trở lên
4	Phó Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện	Chuyên viên trở lên
5	Phó Chánh Thanh tra huyện	Chuyên viên/ Thanh tra viên trở lên
6	Phó Trưởng phòng	Chuyên viên trở lên
II	Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung (thuộc Văn phòng HĐND và UBND)	
1	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên
2	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng	Chuyên viên
3	Chuyên viên về Văn thư	Chuyên viên
4	Chuyên viên về Lưu trữ	Chuyên viên
5	Chuyên viên về Quản trị công sở	Chuyên viên
6	Chuyên viên về Công nghệ thông tin	Chuyên viên
III	Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành	
III.1	Văn phòng HĐND và UBND	
1	Chuyên viên quản lý khám, chữa bệnh	Chuyên viên
2	Chuyên viên về dược	Chuyên viên
3	Chuyên viên về an toàn thực phẩm	Chuyên viên
4	Chuyên viên về dân số	Chuyên viên
5	Chuyên viên về công tác dân tộc	Chuyên viên
6	Chuyên viên về kiểm soát thủ tục hành chính	Chuyên viên
III.2	Phòng Nội vụ	
1	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	Chuyên viên
2	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên
3	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên

STT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức
4	Chuyên viên về cải cách hành chính	Chuyên viên
5	Chuyên viên về địa giới hành chính	Chuyên viên
6	Chuyên viên về quản lý tín ngưỡng, tôn giáo	Chuyên viên
7	Chuyên viên về quản lý văn thư, lưu trữ	Chuyên viên
III.3	Phòng Tư pháp	Chuyên viên
1	Chuyên viên về xây dựng pháp luật	Chuyên viên
2	Chuyên viên về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, tiếp cận pháp luật	Chuyên viên
3	Chuyên viên về quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật	Chuyên viên
4	Chuyên viên về hành chính tư pháp	Chuyên viên
III.4	Phòng Tài chính - Kế hoạch	
1	Chuyên viên quản lý về tài chính, ngân sách	Chuyên viên
2	Chuyên viên về quản lý tài sản công	Chuyên viên
3	Chuyên viên về quản lý giá	Chuyên viên
4	Chuyên viên về quản lý kinh tế tổng hợp	Chuyên viên
5	Chuyên viên về quản lý đầu tư	Chuyên viên
6	Chuyên viên về quản lý đấu thầu	Chuyên viên
7	Chuyên viên về kế toán	Chuyên viên
8	Chuyên viên về kinh tế tập thể, hợp tác xã	Chuyên viên
III.5	Phòng Tài nguyên và Môi trường	
1	Chuyên viên về tài nguyên nước	Chuyên viên
2	Chuyên viên quản lý tổng hợp về biển đảo	Chuyên viên
3	Chuyên viên về môi trường	Chuyên viên
4	Chuyên viên về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Chuyên viên
5	Chuyên viên về khoáng sản	Chuyên viên
6	Chuyên viên về quản lý đất đai	Chuyên viên
7	Chuyên viên về đo đạc bản đồ	Chuyên viên
8	Chuyên viên về biến đổi khí hậu	Chuyên viên
III.6	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
1	Chuyên viên về quản lý lâm nghiệp	Chuyên viên
2	Chuyên viên về phòng chống thiên tai	Chuyên viên
3	Chuyên viên về quản lý đê điều	Chuyên viên
4	Chuyên viên về thủy lợi	Chuyên viên
5	Chuyên viên về thủy sản	Chuyên viên
6	Chuyên viên về quản lý chăn nuôi	Chuyên viên

STT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức
7	Chuyên viên về quản lý trồng trọt	Chuyên viên
8	Chuyên viên quản về chất lượng nông sản, lâm sản, thủy sản	Chuyên viên
9	Chuyên viên về quản lý thú y	Chuyên viên
10	Chuyên viên về phát triển nông thôn	Chuyên viên
III.7	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	
1	Chuyên viên về kết cấu hạ tầng giao thông	Chuyên viên
2	Chuyên viên về an ninh, an toàn giao thông	Chuyên viên
3	Chuyên viên về quản lý vận tải	Chuyên viên
4	Chuyên viên về quản lý nhà ở	Chuyên viên
5	Chuyên viên về quản lý nhà công sở	Chuyên viên
6	Chuyên viên về quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	Chuyên viên
7	Chuyên viên về quản lý quy hoạch xây dựng	Chuyên viên
8	Chuyên viên về quản lý kiến trúc	Chuyên viên
9	Chuyên viên về quản lý vật liệu xây dựng	Chuyên viên
10	Chuyên viên về quản lý công nghiệp	Chuyên viên
11	Chuyên viên quản lý về khoa học công nghệ	Chuyên viên
III.8	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	
1	Chuyên viên về lao động tiền lương	Chuyên viên
2	Chuyên viên về bảo hiểm xã hội	Chuyên viên
3	Chuyên viên về bình đẳng giới	Chuyên viên
4	Chuyên viên về an toàn, vệ sinh lao động	Chuyên viên
5	Chuyên viên về người có công	Chuyên viên
6	Chuyên viên về phòng, chống tệ nạn xã hội	Chuyên viên
7	Chuyên viên về việc làm	Chuyên viên
8	Chuyên viên về bảo trợ xã hội	Chuyên viên
9	Chuyên viên về trẻ em	Chuyên viên
10	Chuyên viên về giảm nghèo	Chuyên viên
III.9	Phòng Văn hóa và Thông tin	
1	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở	Chuyên viên
2	Chuyên viên về quản lý phát thanh, truyền hình	Chuyên viên
3	Chuyên viên về quản lý viễn thông	Chuyên viên
4	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực gia đình	Chuyên viên
5	Chuyên viên về quản lý di sản văn hóa	Chuyên viên
6	Chuyên viên về quản lý văn hóa cơ sở	Chuyên viên
7	Chuyên viên về quản lý thể dục thể thao cho mọi người	Chuyên viên

STT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức
8	Chuyên viên về quản lý xúc tiến, quảng bá du lịch	Chuyên viên
III.10	Phòng Giáo dục và Đào tạo	
1	Chuyên viên về quản lý chương trình giáo dục	Chuyên viên
2	Chuyên viên về quản lý tổ chức và hoạt động cơ sở giáo dục	Chuyên viên
3	Chuyên viên về quản lý bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục	Chuyên viên
4	Chuyên viên về quản lý cơ sở vật chất và trang thiết bị giáo dục	Chuyên viên
5	Chuyên viên về quản lý chính sách và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục	Chuyên viên
6	Chuyên viên về quản lý người học	Chuyên viên
7	Chuyên viên về quản lý thi và văn bằng, chứng chỉ	Chuyên viên
III.11	Thanh tra huyện	
1	Thanh tra viên về công tác thanh tra	Thanh tra viên
2	Chuyên viên về công tác thanh tra	Chuyên viên
3	Thanh tra viên về tiếp công dân và xử lý đơn, thư	Thanh tra viên
4	Chuyên viên về tiếp công dân và xử lý đơn, thư	Chuyên viên
5	Thanh tra viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Thanh tra viên
6	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Chuyên viên
7	Thanh tra viên về thanh tra phòng, chống tham nhũng	Thanh tra viên
8	Chuyên viên về thanh tra phòng, chống tham nhũng	Chuyên viên
IV	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ (thuộc Văn phòng HĐND và UBND)	
1	Nhân viên kỹ thuật	HĐLĐ
2	Nhân viên Phục vụ	HĐLĐ
3	Nhân viên Bảo vệ	HĐLĐ
4	Nhân viên Lái xe	HĐLĐ

PHỤ LỤC 2

Bảng tổng hợp khung năng lực đối với vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý; vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ tại Ủy ban nhân dân huyện Thuận Bắc
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 9 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Stt	Tên vị trí việc làm	Nhóm năng lực chung							Nhóm năng lực chuyên môn					Nhóm năng lực quản lý				
		Đạo đức và bản lĩnh	Tổ chức thực hiện công việc	Soạn thảo và ban hành văn bản	Giao tiếp ứng xử	Quan hệ phối hợp	Sử dụng công nghệ thông tin	Sử dụng ngoại ngữ	Tham mưu xây dựng văn bản	Hướng dẫn thực hiện văn bản	Kiểm tra thực hiện văn bản	Thẩm định văn bản	Tổ chức thực hiện văn bản	Tư duy chiến lược	Quản lý sự thay đổi	Ra quyết định	Quản lý nguồn lực	Phát triển nhân viên
I	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý																	
1	Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện	3	3	3	3	3	2	2	3	3	3	3	3	3	3	2	3	3
2	Chánh Thanh tra huyện	3	3	3	3	3	2	2	3	3	3	3	3	3	3	2	3	3
3	Trưởng phòng	3	3	3	3	3	2	2	3	3	3	3	3	3	3	2	3	3
4	Phó Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện	3	2	2	3	3	2	2	3	3	3	3	3	2	2	2	3	3
5	Phó Chánh Thanh tra huyện	3	2	2	3	3	2	2	3	3	3	3	3	2	2	2	3	3
6	Phó Trưởng phòng	3	2	2	3	3	2	2	3	3	3	3	3	2	2	2	3	3

Stt	Tên vị trí việc làm	Nhóm năng lực chung							Nhóm năng lực chuyên môn					Nhóm năng lực quản lý				
		Đạo đức và bản lĩnh	Tổ chức thực hiện công việc	Soạn thảo và ban hành văn bản	Giao tiếp ứng xử	Quan hệ phối hợp	Sử dụng công nghệ thông tin	Sử dụng ngoại ngữ	Tham mưu xây dựng văn bản	Hướng dẫn thực hiện văn bản	Kiểm tra thực hiện văn bản	Thẩm định văn bản	Tổ chức thực hiện văn bản	Tư duy chiến lược	Quản lý sự thay đổi	Ra quyết định	Quản lý nguồn lực	Phát triển nhân viên
II	Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung																	
1	Chuyên viên về tổng hợp	3	2	2	3	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
2	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng	3	2	2	3	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
3	Chuyên viên về Văn thư	3	2	2	3	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
4	Chuyên viên về Lưu trữ	3	2	2	3	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
5	Chuyên viên về Quản trị công sở	3	2	2	3	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
6	Chuyên viên về CNTT	3	2	2	3	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
III	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ																	
	Tên vị trí việc làm	Nhóm năng lực chung					Nhóm năng lực chuyên môn			Nhóm năng lực quản lý								
		Đạo đức và bản lĩnh	Tổ chức thực hiện công việc	Giao tiếp ứng xử	Quan hệ phối hợp	Sử dụng ngoại ngữ	Khả năng làm việc độc lập	Khả năng triển khai nhiệm vụ	Khả năng hướng dẫn thực hiện nghiệp vụ	Quản lý sự thay đổi	Ra quyết định							
1	Nhân viên Kỹ thuật	1	1	1	1		1	1	1	1	1							
2	Nhân viên Phục vụ	1	1	1	1		1	1	1	1	1							
3	Nhân viên Bảo vệ	1	1	1	1		1	1	1	1	1							
4	Nhân viên Lái xe	1	1	1	1		1	1	1	1	1							

PHỤ LỤC 4

Cơ cấu ngạch công chức của Ủy ban nhân dân huyện Thuận Bắc

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 9 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. Phân bổ biên chế/lao động hợp đồng với từng VTVL:

STT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức	Phân bổ biên chế trong tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao tại thời điểm xây dựng Đề án VTVL	Phân bổ HDLĐ
I	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý		30	
1	Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện	Chuyên viên trở lên	01	
2	Chánh Thanh tra huyện	Chuyên viên/ Thanh tra viên trở lên	01	
3	Trưởng phòng	Chuyên viên trở lên	09	
4	Phó Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện	Chuyên viên trở lên	02	
5	Phó Chánh Thanh tra huyện	Chuyên viên/ Thanh tra viên trở lên	01	
6	Phó Trưởng phòng	Chuyên viên trở lên	16	
II	Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung		05	
1	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên	01	
2	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng	Chuyên viên	01	
3	Chuyên viên về Văn thư	Chuyên viên	01	
4	Chuyên viên về Lưu trữ	Chuyên viên	Kiên nhiệm	
5	Chuyên viên về Quản trị công sở	Chuyên viên	01	

STT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức	Phân bổ biên chế trong tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao tại thời điểm xây dựng Đề án VTVL	Phân bổ HDLĐ
6	Chuyên viên về Công nghệ thông tin	Chuyên viên	01	
III	Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành		36	
1	Chuyên viên quản lý khám, chữa bệnh	Chuyên viên	01	
2	Chuyên viên về dược	Chuyên viên	Kiểm nhiệm	
3	Chuyên viên về an toàn thực phẩm	Chuyên viên	Kiểm nhiệm	
4	Chuyên viên về dân số	Chuyên viên	Kiểm nhiệm	
5	Chuyên viên về công tác dân tộc	Chuyên viên	01	
6	Chuyên viên về kiểm soát thủ tục hành chính	Chuyên viên	01	
7	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	Chuyên viên	01	
8	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên	01	
9	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên	01	
10	Chuyên viên về cải cách hành chính	Chuyên viên	Kiểm nhiệm	
11	Chuyên viên về địa giới hành chính	Chuyên viên	Kiểm nhiệm	
12	Chuyên viên về quản lý tín ngưỡng, tôn giáo	Chuyên viên	Kiểm nhiệm	
13	Chuyên viên về quản lý văn thư, lưu trữ	Chuyên viên	Kiểm nhiệm	
14	Chuyên viên về xây dựng pháp luật	Chuyên viên	Kiểm nhiệm	
15	Chuyên viên về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, tiếp cận pháp luật	Chuyên viên	01	
16	Chuyên viên về quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật		Kiểm nhiệm	
17	Chuyên viên về hành chính tư pháp		Kiểm nhiệm	
18	Chuyên viên quản lý về tài chính, ngân sách	Chuyên viên	01	
19	Chuyên viên về quản lý tài sản công	Chuyên viên	Kiểm nhiệm	

STT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức	Phân bổ biên chế trong tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao tại thời điểm xây dựng Đề án VTVL	Phân bổ HDLD
20	Chuyên viên về quản lý giá	Chuyên viên	Kiểm nhiệm	
21	Chuyên viên về quản lý kinh tế tổng hợp	Chuyên viên	01	
22	Chuyên viên về quản lý đầu tư	Chuyên viên	01	
23	Chuyên viên về quản lý đấu thầu	Chuyên viên	Kiểm nhiệm	
24	Chuyên viên về kế toán	Chuyên viên	01	
25	Chuyên viên về kinh tế tập thể, hợp tác xã	Chuyên viên	Kiểm nhiệm	
26	Chuyên viên về tài nguyên nước	Chuyên viên	01	
27	Chuyên viên quản lý tổng hợp về biển đảo	Chuyên viên	Kiểm nhiệm	
28	Chuyên viên về môi trường	Chuyên viên	01	
29	Chuyên viên về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Chuyên viên	Kiểm nhiệm	
30	Chuyên viên về khoáng sản	Chuyên viên	Kiểm nhiệm	
31	Chuyên viên về quản lý đất đai	Chuyên viên	01	
32	Chuyên viên về đo đạc bản đồ	Chuyên viên	01	
33	Chuyên viên về biến đổi khí hậu	Chuyên viên	Kiểm nhiệm	
34	Chuyên viên về quản lý lâm nghiệp	Chuyên viên	Kiểm nhiệm	
35	Chuyên viên về phòng chống thiên tai	Chuyên viên	Kiểm nhiệm	
36	Chuyên viên về quản lý đê điều	Chuyên viên	Kiểm nhiệm	
37	Chuyên viên về thủy lợi	Chuyên viên	Kiểm nhiệm	
38	Chuyên viên về thủy sản	Chuyên viên	Kiểm nhiệm	
39	Chuyên viên về quản lý chăn nuôi	Chuyên viên	01	
40	Chuyên viên về quản lý trồng trọt	Chuyên viên	01	
41	Chuyên viên quản về chất lượng nông sản, lâm sản, thủy sản	Chuyên viên	Kiểm nhiệm	

STT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức	Phân bổ biên chế trong tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao tại thời điểm xây dựng Đề án VTVL	Phân bổ HDLĐ
42	Chuyên viên về quản lý thú y	Chuyên viên	Kiên nhiệm	
43	Chuyên viên về phát triển nông thôn	Chuyên viên	01	
44	Chuyên viên về kết cấu hạ tầng giao thông	Chuyên viên	Kiên nhiệm	
45	Chuyên viên về an ninh, an toàn giao thông	Chuyên viên	Kiên nhiệm	
46	Chuyên viên về quản lý vận tải	Chuyên viên	Kiên nhiệm	
47	Chuyên viên về quản lý nhà ở	Chuyên viên	01	
48	Chuyên viên về quản lý nhà công sở	Chuyên viên	Kiên nhiệm	
49	Chuyên viên về quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	Chuyên viên	01	
50	Chuyên viên về quản lý quy hoạch xây dựng	Chuyên viên	01	
51	Chuyên viên về quản lý kiến trúc	Chuyên viên	Kiên nhiệm	
52	Chuyên viên về quản lý vật liệu xây dựng	Chuyên viên	Kiên nhiệm	
53	Chuyên viên về quản lý công nghiệp	Chuyên viên	Kiên nhiệm	
54	Chuyên viên quản lý về khoa học công nghệ	Chuyên viên	01	
55	Chuyên viên về lao động tiền lương	Chuyên viên	Kiên nhiệm	
56	Chuyên viên về bảo hiểm xã hội	Chuyên viên	01	
57	Chuyên viên về bình đẳng giới	Chuyên viên	Kiên nhiệm	
58	Chuyên viên về an toàn, vệ sinh lao động	Chuyên viên	Kiên nhiệm	
59	Chuyên viên về người có công	Chuyên viên	01	
60	Chuyên viên về phòng, chống tệ nạn xã hội	Chuyên viên	Kiên nhiệm	
61	Chuyên viên về việc làm	Chuyên viên	Kiên nhiệm	
62	Chuyên viên về bảo trợ xã hội	Chuyên viên	01	
63	Chuyên viên về trẻ em	Chuyên viên	Kiên nhiệm	

STT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức	Phân bổ biên chế trong tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao tại thời điểm xây dựng Đề án VTVL	Phân bổ HDLD
64	Chuyên viên về giảm nghèo	Chuyên viên	01	
65	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở	Chuyên viên	Kiên nhiệm	
66	Chuyên viên về quản lý phát thanh, truyền hình	Chuyên viên	01	
67	Chuyên viên về quản lý viễn thông	Chuyên viên	Kiên nhiệm	
68	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực gia đình	Chuyên viên	Kiên nhiệm	
69	Chuyên viên về quản lý di sản văn hóa	Chuyên viên	01	
70	Chuyên viên về quản lý văn hóa cơ sở	Chuyên viên	Kiên nhiệm	
71	Chuyên viên về quản lý thể dục thể thao cho mọi người	Chuyên viên	01	
72	Chuyên viên về quản lý xúc tiến, quảng bá du lịch	Chuyên viên	Kiên nhiệm	
73	Chuyên viên về quản lý chương trình giáo dục	Chuyên viên	01	
74	Chuyên viên về quản lý tổ chức và hoạt động cơ sở giáo dục	Chuyên viên	01	
75	Chuyên viên về quản lý bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục	Chuyên viên	01	
76	Chuyên viên về quản lý cơ sở vật chất và trang thiết bị giáo dục	Chuyên viên	Kiên nhiệm	
77	Chuyên viên về quản lý chính sách và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục	Chuyên viên	01	
78	Chuyên viên về quản lý người học	Chuyên viên	01	
79	Chuyên viên về quản lý thi và văn bằng, chứng chỉ	Chuyên viên	Kiên nhiệm	
80	Thanh tra viên về công tác thanh tra	Thanh tra viên	01	
81	Chuyên viên về công tác thanh tra	Chuyên viên	Kiên nhiệm	
82	Thanh tra viên về tiếp công dân và xử lý đơn, thư	Thanh tra viên	Kiên nhiệm	
83	Chuyên viên về tiếp công dân và xử lý đơn, thư	Chuyên viên	Kiên nhiệm	
84	Thanh tra viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Thanh tra viên	Kiên nhiệm	
85	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Chuyên viên	Kiên nhiệm	

STT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức	Phân bổ biên chế trong tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao tại thời điểm xây dựng Đề án VTVL	Phân bổ HĐLĐ
86	Thanh tra viên về thanh tra phòng, chống tham nhũng	Thanh tra viên	01	
87	Chuyên viên về thanh tra phòng, chống tham nhũng	Chuyên viên	Kiểm nhiệm	
IV	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ			04 HĐLĐ
1	Nhân viên kỹ thuật			01 HĐLĐ
2	Nhân viên phục vụ			01 HĐLĐ
3	Nhân viên bảo vệ			01 HĐLĐ
4	Nhân viên lái xe			01 HĐLĐ
	Tổng		71 biên chế	04 HĐLĐ

B. Tỷ lệ cơ cấu ngạch công chức của đơn vị theo từng VTVL (không bao gồm VTVL lãnh đạo, quản lý):

STT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức	Số lượng biên chế công chức theo Mục A (không bao gồm biên chế vị trí lãnh đạo, quản lý)	Tỷ lệ % so với tổng số
II	Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung			
1	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên	01	2,38%
2	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng	Chuyên viên	01	2,38%
3	Chuyên viên về Văn thư	Chuyên viên	01	2,38%
4	Chuyên viên về Lưu trữ	Chuyên viên	Kiểm nhiệm	
5	Chuyên viên về Quản trị công sở	Chuyên viên	01	2,38%
6	Chuyên viên về Công nghệ thông tin	Chuyên viên	01	2,38%
III	Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành			
1	Chuyên viên quản lý khám, chữa bệnh	Chuyên viên	01	2,38%
2	Chuyên viên về dược	Chuyên viên	Kiểm nhiệm	

STT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức	Số lượng biên chế công chức theo Mục A (không bao gồm biên chế vị trí lãnh đạo, quản lý)	Tỷ lệ % so với tổng số
3	Chuyên viên về an toàn thực phẩm	Chuyên viên	Kiểm nhiệm	
4	Chuyên viên về dân số	Chuyên viên	Kiểm nhiệm	
5	Chuyên viên về công tác dân tộc	Chuyên viên	01	2,38%
6	Chuyên viên về kiểm soát thủ tục hành chính	Chuyên viên	01	2,38%
7	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	Chuyên viên	01	2,38%
8	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên	01	2,38%
9	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên	01	2,38%
10	Chuyên viên về cải cách hành chính	Chuyên viên	Kiểm nhiệm	
11	Chuyên viên về địa giới hành chính	Chuyên viên	Kiểm nhiệm	
12	Chuyên viên về quản lý tín ngưỡng, tôn giáo	Chuyên viên	Kiểm nhiệm	
13	Chuyên viên về quản lý văn thư, lưu trữ	Chuyên viên	Kiểm nhiệm	
14	Chuyên viên về xây dựng pháp luật	Chuyên viên	Kiểm nhiệm	
15	Chuyên viên về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, tiếp cận pháp luật	Chuyên viên	01	2,38%
16	Chuyên viên về quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật		Kiểm nhiệm	
17	Chuyên viên về hành chính tư pháp		Kiểm nhiệm	
18	Chuyên viên quản lý về tài chính, ngân sách	Chuyên viên	01	2,38%
19	Chuyên viên về quản lý tài sản công	Chuyên viên	Kiểm nhiệm	
20	Chuyên viên về quản lý giá	Chuyên viên	Kiểm nhiệm	
21	Chuyên viên về quản lý kinh tế tổng hợp	Chuyên viên	01	2,38%
22	Chuyên viên về quản lý đầu tư	Chuyên viên	01	2,38%
23	Chuyên viên về quản lý đấu thầu	Chuyên viên	Kiểm nhiệm	

STT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức	Số lượng biên chế công chức theo Mục A (không bao gồm biên chế vị trí lãnh đạo, quản lý)	Tỷ lệ % so với tổng số
24	Chuyên viên về kế toán	Chuyên viên	01	2,38%
25	Chuyên viên về kinh tế tập thể, hợp tác xã	Chuyên viên	Kiên nhiệm	
26	Chuyên viên về tài nguyên nước	Chuyên viên	01	2,38%
27	Chuyên viên quản lý tổng hợp về biển đảo	Chuyên viên	Kiên nhiệm	
28	Chuyên viên về môi trường	Chuyên viên	01	2,38%
29	Chuyên viên về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Chuyên viên	Kiên nhiệm	
30	Chuyên viên về khoáng sản	Chuyên viên	Kiên nhiệm	
31	Chuyên viên về quản lý đất đai	Chuyên viên	01	2,38%
32	Chuyên viên về đo đạc bản đồ	Chuyên viên	01	2,38%
33	Chuyên viên về biến đổi khí hậu	Chuyên viên	Kiên nhiệm	
34	Chuyên viên về quản lý lâm nghiệp	Chuyên viên	Kiên nhiệm	
35	Chuyên viên về phòng chống thiên tai	Chuyên viên	Kiên nhiệm	
36	Chuyên viên về quản lý đê điều	Chuyên viên	Kiên nhiệm	
37	Chuyên viên về thủy lợi	Chuyên viên	Kiên nhiệm	
38	Chuyên viên về thủy sản	Chuyên viên	Kiên nhiệm	
39	Chuyên viên về quản lý chăn nuôi	Chuyên viên	01	2,38%
40	Chuyên viên về quản lý trồng trọt	Chuyên viên	01	2,38%
41	Chuyên viên quản về chất lượng nông sản, lâm sản, thủy sản	Chuyên viên	Kiên nhiệm	
42	Chuyên viên về quản lý thú y	Chuyên viên	Kiên nhiệm	
43	Chuyên viên về phát triển nông thôn	Chuyên viên	01	2,38%
44	Chuyên viên về kết cấu hạ tầng giao thông	Chuyên viên	Kiên nhiệm	
45	Chuyên viên về an ninh, an toàn giao thông	Chuyên viên	Kiên nhiệm	

STT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức	Số lượng biên chế công chức theo Mục A (không bao gồm biên chế vị trí lãnh đạo, quản lý)	Tỷ lệ % so với tổng số
46	Chuyên viên về quản lý vận tải	Chuyên viên	Kiểm nhiệm	
47	Chuyên viên về quản lý nhà ở	Chuyên viên	01	2,38%
48	Chuyên viên về quản lý nhà công sở	Chuyên viên	Kiểm nhiệm	
49	Chuyên viên về quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	Chuyên viên	01	2,38%
50	Chuyên viên về quản lý quy hoạch xây dựng	Chuyên viên	01	2,38%
51	Chuyên viên về quản lý kiến trúc	Chuyên viên	Kiểm nhiệm	
52	Chuyên viên về quản lý vật liệu xây dựng	Chuyên viên	Kiểm nhiệm	
53	Chuyên viên về quản lý công nghiệp	Chuyên viên	Kiểm nhiệm	
54	Chuyên viên quản lý về khoa học công nghệ	Chuyên viên	01	2,38%
55	Chuyên viên về lao động tiền lương	Chuyên viên	Kiểm nhiệm	
56	Chuyên viên về bảo hiểm xã hội	Chuyên viên	01	2,38%
57	Chuyên viên về bình đẳng giới	Chuyên viên	Kiểm nhiệm	
58	Chuyên viên về an toàn, vệ sinh lao động	Chuyên viên	Kiểm nhiệm	
59	Chuyên viên về người có công	Chuyên viên	01	2,38%
60	Chuyên viên về phòng, chống tệ nạn xã hội	Chuyên viên	Kiểm nhiệm	
61	Chuyên viên về việc làm	Chuyên viên	Kiểm nhiệm	
62	Chuyên viên về bảo trợ xã hội	Chuyên viên	01	2,38%
63	Chuyên viên về trẻ em	Chuyên viên	Kiểm nhiệm	
64	Chuyên viên về giảm nghèo	Chuyên viên	01	2,38%
65	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở	Chuyên viên	Kiểm nhiệm	
66	Chuyên viên về quản lý phát thanh, truyền hình	Chuyên viên	01	2,38%
67	Chuyên viên về quản lý viễn thông	Chuyên viên	Kiểm nhiệm	

STT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức	Số lượng biên chế công chức theo Mục A (không bao gồm biên chế vị trí lãnh đạo, quản lý)	Tỷ lệ % so với tổng số
68	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực gia đình	Chuyên viên	Kiên nhiệm	
69	Chuyên viên về quản lý di sản văn hóa	Chuyên viên	01	2,38%
70	Chuyên viên về quản lý văn hóa cơ sở	Chuyên viên	Kiên nhiệm	
71	Chuyên viên về quản lý thể dục thể thao cho mọi người	Chuyên viên	01	2,38%
72	Chuyên viên về quản lý xúc tiến, quảng bá du lịch	Chuyên viên	Kiên nhiệm	
73	Chuyên viên về quản lý chương trình giáo dục	Chuyên viên	01	2,38%
74	Chuyên viên về quản lý tổ chức và hoạt động cơ sở giáo dục	Chuyên viên	01	2,38%
75	Chuyên viên về quản lý bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục	Chuyên viên	01	2,38%
76	Chuyên viên về quản lý cơ sở vật chất và trang thiết bị giáo dục	Chuyên viên	Kiên nhiệm	
77	Chuyên viên về quản lý chính sách và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục	Chuyên viên	01	2,38%
78	Chuyên viên về quản lý người học	Chuyên viên	01	2,38%
79	Chuyên viên về quản lý thi và văn bằng, chứng chỉ	Chuyên viên	Kiên nhiệm	
80	Thanh tra viên về công tác thanh tra	Thanh tra viên	01	2,38%
81	Chuyên viên về công tác thanh tra	Chuyên viên	Kiên nhiệm	
82	Thanh tra viên về tiếp công dân và xử lý đơn, thư	Thanh tra viên	Kiên nhiệm	
83	Chuyên viên về tiếp công dân và xử lý đơn, thư	Chuyên viên	Kiên nhiệm	
84	Thanh tra viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Thanh tra viên	Kiên nhiệm	
85	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Chuyên viên	Kiên nhiệm	
86	Thanh tra viên về thanh tra phòng, chống tham nhũng	Thanh tra viên	01	2,38%
87	Chuyên viên về thanh tra phòng, chống tham nhũng	Chuyên viên	Kiên nhiệm	
	Tổng		42 biên chế	

C. Cơ cấu ngạch công chức chung của đơn vị (không bao gồm VTVL lãnh đạo, quản lý):

Tên đơn vị	Số lượng công chức	Số lượng/ngạch công chức		Tỷ lệ ngạch công chức
		Số lượng ngạch công chức	Loại ngạch công chức	
Ủy ban nhân dân huyện Thuận Bắc	42	01	Chuyên viên và tương đương	100%

Đối với công chức hiện đang giữ ngạch công chức cao hơn so với ngạch công chức theo yêu cầu của vị trí việc làm được phê duyệt tại Phụ lục này, được bảo lưu đến khi có quy định, hướng dẫn thực hiện của cấp có thẩm quyền./.
